TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST
Ngày 08/11/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Vụ.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân T – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2018, về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 04/10/2018 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, Sinh năm 1978.
HKTT: Khối 4B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: Khối 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.
Bị đơn: Ông Trương Ngọc T, Sinh năm 1974.
Địa chỉ: Khối 4B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị V và ông Trương Ngọc T là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện K ngày 23/4/2004, quá trình sống chung có hai con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013

và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 hiện đang sống cùng bà V. Sau khi lấy nhau về chung sống tại khối 4B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ năm 2018 đến tháng 4 năm 2018 thì bà Vông T ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên bà V tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà V có nguyện vọng xin nuôi dưỡng hai con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013 và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà V có nhà riêng và làm nghề giáo viên thu nhập lương hàng tháng 7.637.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Trương Ngọc T trình bày có nội dung như sau:

Ông T và bà V là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K vào ngày 23 tháng 4 năm 2004, quá trình sống chung có hai con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013 và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 hiện đang sống cùng bà V.

Trong cuộc sống vợ chồng thì vẫn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến tháng 4 năm 2018 bà V đã ra ngoài mua nhà ở riêng và vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay bà V xin ly hôn ông T xác định con cái còn nhỏ, ông còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nếu bà V cương quyết xin ly hôn thì đó là ý kiến của bà V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Về con chung: Nếu bà V không nuôi được thì ông T xin nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V ông T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn ông T.

Về con chung: Giao con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013 cho ông T và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Trương Ngọc T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K ngày 23 tháng 4 năm 2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc nên tháng 04 năm 2018 bà Vđã ra ngoài sinh sống cho đến nay. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T, ông Trương Ngọc T xác định trong cuộc sống vợ chồng không mâu thuẫn, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên nay bà V làm đơn xin ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà V. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết sau khi lấy nhau bà V và ông T sinh sống tại tại khối 4B, thị trấn K, đến tháng 6 năm 2018 thì bà V đã cùng hai con ra ngoài sống riêng**.**

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà V có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung, để ổn định tâm lý cũng như tạo mọi điều kiện cho con nhỏ phát triển Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013 và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V xin ly hôn ông Trương Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Trương Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là Trương Ngọc Thảo Y, Sinh ngày 01/6/2013 và Trương Ngọc H, Sinh ngày 27/4/2006 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông Trương Ngọc T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0004344 ngày 07 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện K;
- UBND TT K, huyện EK;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

Lê Đình Thanh